

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MF

RANK	NAME	CURRENT AS OF YOB	4/27/2026 DIVISION	ROLLING TOTAL	V50 - FEB PLACE	2026 POINTS	V50 - APR PLACE	2026 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2025 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2025 POINTS
1	Suarez, Rafael	1972	Gold Coast	1500	1	400	1	400	np	0	5	700
2	Wyszynski, Marek B	1968	Metro NYC	736	2	368	2	368	9	214	np	0
3	Anderson, Nathan T	1973	Colorado	680	7.5	275	3	340	3	340	np	0
4	Lopez, Reynaldo	1973	Kansas	648	5	280	6	278	2	368	35	0
5	Gonzalez, John	1972	Metro NYC	620	3	340	5	280	np	0	np	0
6	Harkins, Craig	1970	Georgia	618	6	278	3	340	13	206	np	0
7T	Cho, Michael	1970	Michigan	614	3	340	15	202	8	274	31	0
7T	Popokh, Leo	1972	North TX	614	9	214	9	214	1	400	20	0
9	Sirico, Thomas P	1972	Capitol	550	12	208	8	274	7	276	np	0
10	Zhao, Zhiyong	1975	Southwest Ohio	480	14	204	7	276	14	204	np	0
11	Foellmer, Oliver K	1968	Southern CA	477	18.5	137	np	0	3	340	np	0
12	Kissingford, John F	1967	Colorado	422	11	210	10	212	16	200	np	0
13	Riffaltere, Jason	1969	Metro NYC	420	22	130	12	208	10	212	np	0
14	Valentine, Iain	1971	Western Washington	348	20	134	18	138	11	210	np	0
15	Kim, Ethan	1974	Michigan	346	35	68	np	0	6	278	np	0
16	de Barros Conti, Thibaut	1975	North TX	334	41	62	21	132	15	202	np	0
17	Frenzingler, Douglas	1974	Arizona	332	24	126	13	206	np	0	np	0
18	Joo, Michael	1973	Metro NYC	330	np	0	14	204	24	126	np	0
19	Koehn, Ted	1969	Western WA	280	np	0	np	0	5	280	np	0
20	Glozman, Pasha	1976	Western WA	276	np	0	np	0	np	0	np	0
21	Tyshchenko, Andrey	1969	Australia	275	7.5	275	np	0	np	0	11	0
22	Monsefi, Amir	1970	Southern CA	273	38	65	np	0	12	208	np	0
23	Cheng, Thomas	1975	Central FL	272	17	140	np	0	21	132	np	0
24	Newell, Tim	1967	Gulf Coast	252	29	116	19	136	29	116	np	0
25T	Clayton, Byron	1975	Oregon	248	26	122	24	126	np	0	np	0
25T	Wood, Ben	1975	Metro NYC	248	28	118	22	130	np	0	np	0
27	Mistretta, Alex	1970	Southern CA	246	np	0	23	128	28	118	np	0
28	Rusanov, Oleg	1973	Capitol	238	42.5	60.5	30	114	25	124	np	0
29	Springer, Michael	1974	New England	236	31	112	25	124	32	110	np	0
30	Berke, Daniel L	1971	Western Washington	232	27	120	31	112	33	70	np	0
31	Geraci, Paul A	1973	Indiana	226	30	114	np	0	31	112	np	0
32	Zhang, Jie	1975	CAN	212	10	212	np	0	np	0	np	0
33	Habala, Peter	1975	Illinois	210	np	0	11	210	np	0	np	0
34	Balboa, Rolando M	1970	Metropolitan NYC	209	34	69	17	140	np	0	np	0
35	Way, Kashi	1971	Capitol	206	13	206	np	0	np	0	np	0
36	Minott, Nicolas	1972	Utah-S.Idaho	204	33	70	20	134	np	0	np	0
37	Gearhart, Andrew	1973	Utah-S.Idaho	202	15	202	np	0	np	0	np	0
38T	Tang, Julian	1974	Canada	200	16	200	np	0	np	0	np	0
38T	Tulleners, Christopher	1975	Northern OH	200	np	0	16	200	np	0	np	0
38T	Crowe, Nathan	1976	Capitol	200	np	0	np	0	np	0	np	0
41	Lee, Hans	1974	Maryland	194	25	124	33	70	np	0	np	0
42	Stoy, Patrick	1975	Colorado	191	42.5	60.5	np	0	22	130	np	0
43	Towster, Robert	1968	Gulf Coast	185	40	63	np	0	26	122	np	0
44T	Ornelas, Polo	1970	Southern CA	138	np	0	np	0	18	138	np	0
44T	Ma, Yi	1976	Northern CA	138	np	0	np	0	np	0	np	0
46	Mueller, Donn	1967	N. Carolina	137	18.5	137	np	0	np	0	np	0
47	Neevel, David	1969	Wisconsin	136	np	0	np	0	19	136	np	0
48	Kryltsov, Greg	1972	Western WA	134	np	0	np	0	20	134	np	0
49	Wu, Clarence C	1968	San Diego	132	21	132	np	0	np	0	np	0
50T	Kent, Dwain	1971	Kentucky	128	23	128	np	0	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MF

RANK	NAME	CURRENT AS OF YOB	4/27/2026 DIVISION	ROLLING TOTAL	V50 - FEB PLACE	2026 POINTS	V50 - APR PLACE	2026 POINTS	V50 - NTLS PLACE	2025 POINTS	V50 - WORLDS PLACE	2025 POINTS
50T	Maurin, Michael	1972	Utah-S.Idaho	128	np	0	np	0	23	128	np	0
52	<i>Pho, Eric</i>	1976		126	np	0	np	0	np	0	np	0
53	Boustany, Marc	1968	Virginia	122	np	0	26	122	np	0	np	0
54	Chan, Geoffrey	1971	Philadelphia	120	np	0	27	120	np	0	np	0
55	Nicholson II, Michael A	1976	N. Carolina	118	np	0	28	118	np	0	np	0
56	Gunin, Igor	1967		116	np	0	29	116	np	0	np	0
57	Borg, Daniel	1973	San Diego	114	np	0	np	0	30	114	np	0
58T	Rountree, Andrew	1969	Virginia	110	np	0	32	110	np	0	np	0
58T	Hernandez, Marc	1973	South TX	110	32	110	np	0	np	0	np	0
60T	Smith, Edward (Ted)	1972	Virginia	69	np	0	34	69	np	0	np	0
60T	LoTurco, Greg	1975	Gulf Coast	69	np	0	np	0	34	69	np	0
62	Thomas, Robert	1970	N. Carolina	68	np	0	np	0	35	68	np	0
63	Guerrero, Gonzalo	1975	Colorado	67	36	67	np	0	np	0	np	0
64T	Gollnick, Brian	1968	Iowa	66	np	0	np	0	37	66	np	0
64T	Leyland, John	1971	Illinois	66	37	66	np	0	np	0	np	0
66	Feldman, Louis	1967	Arizona	65	np	0	np	0	38	65	np	0
67T	Nudelman, Aleksandr	1968	Gold Coast	64	39	64	np	0	np	0	np	0
67T	Ruth, Erin	1974	Wisconsin	64	np	0	np	0	39	64	np	0

np = Did not earn points (including not competing)

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MF

CURRENT AS OF	V40 - NTLS	2025	V40 - WORLDS	2025
4/27/2026	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
Suarez, Rafael	np	0	np	0
Wyszynski, Marek B	np	0	np	0
Anderson, Nathan T	np	0	np	0
Lopez, Reynaldo	np	0	np	0
Gonzalez, John	np	0		
Harkins, Craig	np	0	np	0
Cho, Michael	np	0	np	0
Popokh, Leo	np	0	np	0
Sirico, Thomas P	np	0	np	0
Zhao, Zhiyong	np	0	np	0
Foellmer, Oliver K	np	0	np	0
Kissingford, John F	np	0	np	0
Riffaterre, Jason	np	0	np	0
Valentine, Iain	np	0	np	0
Kim, Ethan	np	0	np	0
de Barros Conti, Thibaut	np	0	np	0
Frenzinger, Douglas	np	0		
Joo, Michael	np	0	np	0
Koehn, Ted	np	0	np	0
Glozman, Pasha	7	276	np	0
Tyshchenko, Andrey	np	0	np	0
Monsefi, Amir	np	0	np	0
Cheng, Thomas	np	0	np	0
Newell, Tim	np	0	np	0
Clayton, Byron	np	0		
Wood, Ben	np	0	np	0
Mistretta, Alex	np	0	np	0
Rusanov, Oleg	np	0	np	0
Springer, Michael	np	0	np	0
Berke, Daniel L	np	0	np	0
Geraci, Paul A	np	0	np	0
Zhang, Jie	np	0	np	0
Habala, Peter	np	0	np	0
Balboa, Rolando M	np	0		
Way, Kashi	np	0		
Minott, Nicolas	np	0	np	0
Gearhart, Andrew	np	0	np	0
Tang, Julian	np	0	np	0
Tulleners, Christopher	np	0		
Crowe, Nathan	16	200	np	0
Lee, Hans	np	0		
Stoy, Patrick	np	0	np	0
Towster, Robert	np	0	np	0
Ornelas, Polo	np	0	np	0
Ma, Yi	18	138	np	0
Mueller, Donn	np	0	np	0
Neevel, David	np	0	np	0
Kryltsov, Greg	np	0	np	0
Wu, Clarence C	np	0	np	0
Kent, Dwain	np	0		

np = Did not earn points (including not competing)

2025-2026 USA Fencing Rolling Point Standings
V50MF

CURRENT AS OF	V40 - NTLS	2025	V40 - WORLDS	2025
4/27/2026	PLACE	POINTS	PLACE	POINTS
Maurin, Michael	np	0	np	0
<i>Pho, Eric</i>	<i>24</i>	<i>126</i>	np	0
Boustany, Marc	np	0		
Chan, Geoffrey	np	0	np	0
Nicholson II, Michael A	np	0	np	0
Gunin, Igor	np	0		
Borg, Daniel	np	0	np	0
Rountree, Andrew	np	0	np	0
Hernandez, Marc	np	0	np	0
Smith, Edward (Ted)	np	0		
LoTurco, Greg	np	0	np	0
Thomas, Robert	np	0	np	0
Guerrero, Gonzalo	np	0	np	0
Golnick, Brian	np	0	np	0
Leyland, John	np	0		
Feldman, Louis	np	0	np	0
Nudelman, Aleksandr	np	0		
Ruth, Erin	np	0	np	0

np = Did not earn points (including not competing)